

Bản án số: **18/2019/HS-ST**
Ngày 29/3/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Huy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Mộc

Bà Phạm Thị Hương Lan

Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Tuấn Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:
Ông Đào Đức Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/HSST- QĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo: **Phạm Văn M**, sinh năm 1992 tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh
ĐKHKT: thôn P, xã T, huyện L, thành phố Hải Phòng

Chỗ ở: tổ 3, khu 7, phường V, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở khi bị bắt: phòng 209 nhà N4, Trường trung cấp Cảnh sát vũ trang - Bộ Công an (Địa chỉ: xã TX, huyện C, Hà Nội).

Nghề nghiệp khi phạm tội: Học viên trung cấp cảnh sát (đã bị tước danh hiệu Công an nhân dân theo Quyết định số 2111/QĐ-T45-P4 ngày 13/11/2018 của Hiệu trưởng Trường trung cấp Cảnh sát vũ trang); trình độ văn hoá: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Con ông Phạm Văn Q, sinh năm 1963 và con bà Vũ Thị L, sinh năm 1966.
Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 07/11/2018, chuyển tạm giam ngày 16/11/2018 đến nay, hiện đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (có mặt).

2. Bị cáo: **Vũ Minh T**, sinh năm 1991 tại huyện B, tỉnh Hải Dương;

Nơi cư trú: thôn N, xã K, huyện B, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở: số 69 đường ĐT, phường NK, quận BD, Hà Nội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không.

Con ông: Vũ Tiến L (đã chết) và con bà: Lưu Thị C, sinh năm 1970. Vợ là: Phạm Thị T, sinh năm 1991 và có 02 con, sinh năm 2014 và sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 20/10/2009 bị Công an huyện B, tỉnh H xử phạt 350.000đ về hành vi đánh nhau. Chấp hành xong ngày 26/10/2009. Bị tạm giữ từ ngày 03/11/2018 đến ngày 09/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Bị cáo: **Vũ Văn H**, sinh năm 1989 tại AT, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện AT, tỉnh HY.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: không.

Con ông: Vũ Văn H1, sinh năm 1968 và con bà: Bùi Thị L, sinh năm 1969. Vợ: Trần Thị N, sinh năm 1992 và có 02 con, sinh năm 2012 và sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị tạm giữ từ ngày 03/11/2018 đến ngày 09/11/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Vũ Văn T2, sinh năm 1984; trú tại: thôn Đ, xã B, huyện AT, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

+ Chị Hà Thị Kim C, sinh năm 1990; trú tại: thôn XT, xã TX, huyện C, Hà Nội (vắng mặt).

Người làm chứng: chị Nguyễn Thị Thùy D và chị Hoàng Ngọc A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/11/2018 Vũ Văn H đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh- Công an tỉnh Hưng Yên làm thủ tục xin cấp hộ chiếu. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh tiến hành kiểm tra phát hiện chứng minh nhân dân có dấu hiệu bất thường nên có công văn đề nghị Cơ quan an ninh điều tra – Công an tỉnh Hưng Yên điều tra làm rõ, kèm theo toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp hộ chiếu gồm: 01 chứng minh nhân dân số 145166228 mang tên Vũ Văn T2, sinh ngày 05/5/1984 có HKTT tại xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, cấp ngày 20/5/2008; 01 bản phô tô chứng minh nhân dân trên; 01 tờ khai đề nghị cấp hộ chiếu mang tên Vũ Văn T2; 01 giấy biên nhận do phòng quản lý XNC lập; 01 phiếu đăng ký chuyển phát hộ chiếu mang tên Vũ Văn T2; 01 sổ hộ khẩu gia đình số 01022401 họ tên chủ hộ Vũ Văn T2.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2017 Vũ Văn H lao động tại Nga nhưng bị trục xuất về nước. Do có nhu cầu tiếp tục sang nước Nga lao động, H tìm hiểu và biết muốn nhập cảnh vào nước Nga cần có hộ chiếu mang ảnh cá nhân của H còn thông tin của người chưa nhập cảnh vào nước Nga.

Khoảng tháng 10/2018, H nhờ Vũ Minh T sinh năm 1991 ở thôn N, xã K, huyện B, tỉnh H (là anh vợ của em trai H) tìm người làm chứng minh thư nhân dân giả. T đồng ý rồi sử dụng tài khoản facebook “Tuấn Minh Vũ” tìm hiểu trên mạng biết tài khoản facebook “Nhận giấy tờ” do Phạm Văn M, sinh năm 1992 làm được chứng minh thư nhân dân giả. T đặt vấn đề với M làm chứng minh thư

nhân dân giả, M đồng ý làm với giá 2.000.000đ và yêu cầu cung cấp ảnh chụp chứng minh thư nhân dân và ảnh cá nhân.

T gọi điện cho H thông báo đã tìm được người làm chứng minh thư nhân dân giả. H mượn và chụp ảnh chứng minh thư nhân dân của Vũ Văn T, sinh năm 1984 (chú họ của H) ở thôn Đ, xã B, huyện AT, tỉnh HY cùng với ảnh của H gửi qua Facebook cho Tuấn, Tuấn gửi cho M. M sử dụng máy tính xách tay cài phần mềm photoshop để đánh máy nội dung thông tin cá nhân Vũ Văn T vào mẫu chứng minh thư, rồi sử dụng máy in màu in chứng minh thư và ảnh của H, sau đó cắt ghép dán thành chứng minh thư hoàn chỉnh. Sau đó, M dùng kẹp inox hai đầu gắn miếng nhựa in nổi hình Quốc huy và kẹp chết để tạo dấu nổi giáp lai ảnh trên giấy chứng minh nhân dân. Sau khi làm xong, M đến đưa cho Tuấn lấy số tiền 2.300.000đ, trong đó có 300.000đ phí đi lại. Ngày 02/11/2017, H mượn sổ hộ khẩu của anh Vũ Văn T2 và đem CMND giả mang đến Phòng Quản lý xuất nhập cảnh- Công an tỉnh Hưng Yên làm thủ tục đề nghị cấp hộ chiếu thì bị phát hiện như nêu trên.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Văn M đã thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Smobile màu xanh xám, có số IMEI: 354752070852619 bên trong lắp 01 sim; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP ProBook 4430S; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP 450 màu xám đen; 01 máy in nhãn hiệu EPSON L805 màu đen; 01 sổ hộ khẩu ghi Công an quận Long Biên- Công an thành phố Hà Nội cấp cho Nguyễn Ngọc Đăng sinh năm 1983 ở Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội ngày 06/4/2018 không có dấu; 01 tờ phôi sổ hộ khẩu số 430242672 ghi cho chủ hộ Nguyễn Ngọc Đăng ngày 06/4/2018 có chữ ký của thiếu tá Long Xuân Dũng- Công an huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An ký; 02 trang phôi sổ hộ khẩu có chữ ký của thượng tá Nguyễn Văn Thúc và dấu đỏ của Công an thành phố Hà Nội; 07 trang phôi sổ hộ khẩu chưa ghi nội dung, có chữ ký của thiếu tá Long Xuân Dũng và dấu Công an huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An; 01 chứng minh thư nhân dân số 121045643 mang tên Hoàng Văn Ước sinh năm 1971 ở Yên Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang; 01 chứng minh thư nhân dân số 012592306 mang tên Nguyễn Thị Thùy Dsinh năm 1989 ở 424 Nguyễn Khoái, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội; 01 mặt trước phôi chứng minh thư nhân dân số 012592306 mang tên Nguyễn Thị Thùy Dsinh năm 1989 ở 424 Nguyễn Khoái, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội; 01 mặt trước phôi chứng minh thư nhân dân số 013386410 mang tên Nguyễn Văn Hưng sinh năm 1981 ở Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội; 01 mặt sau phôi chứng minh thư nhân dân đề ngày 20/5/2008 đề giám đốc Công an tỉnh Hưng Yên Nguyễn Văn Thông ký và dấu Công an tỉnh Hưng Yên; 01 tờ điều trị cho bệnh nhân Phạm Văn M; 01 hóa đơn thuốc có dấu bệnh viện nhi trung ương; 01 bảng kê chi phí khám, chữa bệnh nội trú phôi giấy phô tô paper; 01 súng bắn keo; 01 k; 20 khổ giấy A4 phô tô paper chưa viết, in; 05 khổ nilon màu trắng dùng để dán khô im chết; 01 búa đinh; 01 kéo cắt giấy; 01 kẹp gấp inox, hai đầu kẹp có gắn miếng nhựa in nổi hình Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam; 01 lọ keo dán; 01 thước nhựa; 01 dao dọc giấy; 01 túi nilon bên trong đựng tinh thể rắn màu trắng được niêm phong

trong bì thư. 01 cóong thủy tinh, đầu cóong hình tròn, dưới gắn một đoạn ống hút màu hồng bằng băng dính đen; 01 nắp chai nhựa màu trắng đục hai lỗ, mỗi lỗ gắn 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 ống hút bằng nhựa màu tím dài khoảng 09cm, đường kính khoảng 3,5cm; 01 đầu châm lửa dài khoảng 08cm, một đầu gắn đầu ti bật lửa ga, 01 đầu gắn ống hút nhựa có giấy bạc; 01 bật lửa ga màu đỏ.

Quá trình điều tra Phạm Văn M khai nhận: khoảng giữa năm 2018 thông qua mạng xã hội facebook, M quen biết với người nam giới tên Phong ở thành phố Hồ Chí Minh, là đối tượng chuyên làm giả chứng minh thư và sổ hộ khẩu giả. Phong đã cài đặt cho M phần mềm photoshop có tên CMNDmoi.psd và hướng dẫn M cách thức làm giả chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu. Sau đó, M dùng tài khoản facebook “Nhận Giấy Tờ”, đăng tin nhận làm chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu lấy nhanh.

Ngoài làm chứng minh thư nhân dân giả cho Vũ Văn H nêu trên, M còn làm giả chứng minh thư nhân dân cho những người sau:

+ Khoảng giữa tháng 10/2018, M làm 01 chứng minh thư nhân dân giả cho Nguyễn Thị Thùy Dung, sinh năm 1989 có hộ khẩu tại số 424 Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội với giá 1.000.000đ. Sau khi có được giấy chứng minh thư nhân dân giả, Dung đã đưa cho Nguyễn Thu Ngọc, sinh năm 1993 ở phường Xuân Hòa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để làm hồ sơ vay tín dụng ngân hàng. Ngọc chưa làm hồ sơ vay ngân hàng cho Dung. Ngày 13/11/2018, Ngọc giao nộp chứng minh thư trên cho Cơ quan điều tra.

+ Khoảng giữa tháng 10/2018, M làm 01 chứng minh thư giả cho Hoàng Ngọc Anh, sinh năm 1995 có hộ khẩu tại xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với giá 1.800.000đ. Ngọc Anh khai đã sử dụng chứng minh thư do M làm để làm thủ tục khi đi máy bay từ Hà Nội đến Đà Nẵng nhưng không đi được vì chứng minh thư bị nghi giả. Sau đó, Ngọc Anh làm mất chứng minh thư trên. Đến cuối tháng 10/2018, Ngọc Anh còn đặt vấn đề nhờ M làm 01 chứng minh thư mang thông tin của bố Ngọc Anh là ông Hoàng Văn Ước sinh năm 1971. Tuy nhiên, Ngọc Anh không sử dụng được chứng minh thư của mình để đi máy bay, nên Ngọc Anh không cung cấp ảnh của ông Hoàng Văn Ước để hoàn thiện chứng minh thư. Ông Hoàng Văn Ước không biết việc Ngọc Anh nhờ M làm chứng minh thư giả. Ngọc Anh chưa trả tiền cho M để làm chứng minh thư mang tên Hoàng Văn Ước.

Cơ quan an ninh đã tiến hành trưng cầu giám định các chứng minh nhân dân thu giữ và mẫu vật trong túi nilon đựng tinh thể rắn màu trắng.

Tại bản kết luận giám định số 356 ngày 08/11/2018, số 360 ngày 15/11/2018 và số 11 ngày 26/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên xác định: chứng minh nhân dân số 145166228 mang tên Vũ Văn T2 sinh ngày 05/5/1984, HKTT tại xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, cấp ngày 20/5/2008 và 02 chứng minh thư nhân dân số 012592306 mang tên Nguyễn

Thị Thùy Dsinh năm 1989 ở 424 Nguyễn Khoái, Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội đều là tài liệu làm giả; mẫu chất dạng tinh thể màu trắng dạng cục trong niêm phong thu của Phạm Văn M là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,087gam.

Quá trình điều tra xác định Phạm Văn M sử dụng điện thoại di động Redmi5 plus, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao 0932195222 và 0979125181 để giao dịch làm chứng minh thư giả. M đã cầm điện thoại trên cho chị Hà Thị Kim H sinh năm 1990 ở thôn Xuân Thủy, xã Xuân Thủy Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội vay 1.700.000đ. Ngày 07/11/2018 chị Hương đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra.

Vũ Văn H đã sử dụng điện thoại di động Iphone 7 lắp số thuê bao 0944666103 để liên lạc nhờ Tuấn làm giúp chứng minh thư giả. Vũ Minh T đã sử dụng điện thoại di động Iphone X lắp số thuê bao 0942290491 để liên lạc với H và M giao dịch làm chứng minh thư giả.

Tiến hành mở điện thoại và tài khoản facebook của H, Tuấn, M thu giữ nhiều nội dung tin nhắn qua mạng xã hội facebook liên quan đến việc làm giả chứng minh thư của H, Tuấn, M phù hợp với lời khai của M, H, Tuấn, Nguyễn Thị Thùy Dung, Hoàng Ngọc A

Bản cáo trạng số 15/QĐ -VKS-P1 ngày 25/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên, truy tố bị cáo Phạm Văn M, Vũ Minh T, Vũ Văn H về Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; áp dụng các điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với Phạm Văn M; áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự đối với Vũ Minh T, Vũ Văn H.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ thái độ ăn năn hối hận.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Phạm Văn M, Vũ Minh T về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Viện kiểm sát đề nghị chuyển tội danh của bị cáo Vũ Văn H từ tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức sang tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 341; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn M. Xử phạt bị cáo M từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điều 17; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Minh T. Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn H. Xử phạt bị cáo T và bị cáo H mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo. Giao các bị cáo H và bị cáo T cho UBND xã nơi bị cáo đăng ký hộ khẩu thường trú giám sát giáo dục. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và các vấn đề khác.

Các bị cáo không ai có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an tỉnh Hưng Yên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố là hợp pháp.

[2]. Hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, đó là: nội dung các tin nhắn trao đổi về việc làm giả chứng minh thư nhân dân trích xuất trong điện thoại và trên trang Facebook cá nhân của các bị cáo; các bản chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu làm giả thu giữ của Phạm Văn M, Vũ Văn H, Nguyễn Thị Thùy D; kết luận giám định của Phòng KTHS Công an tỉnh Hưng Yên kết luận các tờ chứng minh nhân dân mang tên Vũ Văn T, Nguyễn Thị Thùy D mà cơ quan điều tra đã thu giữ đều là tài liệu làm giả; kết quả thực nghiệm điều tra đối với bị cáo Phạm Văn M.

Đủ căn cứ kết luận, trong khoảng thời gian tháng 10/2018 Phạm Văn M đã có hành vi sử dụng máy tính cá nhân nhãn hiệu HP 450 cài đặt phần mềm photoshop CMNDmoi.psd, máy in màu EPSON L805 và 1 số vật dụng khác để làm giả 03 chứng minh thư nhân dân mang tên Vũ Văn T, Nguyễn Thị Thùy D và Hoàng Ngọc A. Hành vi của bị cáo Phạm Văn M làm giả 03 tờ giấy chứng minh thư nhân dân, cho ba người có tên ở trên đã phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo Vũ Minh T trực tiếp liên hệ, giao dịch với Phạm Văn M để làm giả chứng minh thư nhân dân cho Vũ Văn H, hưởng tiền chênh lệch là 1.000.000đ nên đồng phạm với M với vai trò là người giúp sức. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo T phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Bị cáo Vũ Văn H vì muốn nhập cảnh vào Nga nên đã nhờ Vũ Minh T làm giả chứng minh thư lấy tên Vũ Văn T2, sinh năm 1984 ở Bãi Sậy, Ân Thi, Hưng Yên nhưng dán ảnh của Vũ Văn H; sau đó Vũ Văn H sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả để làm hộ chiếu nên phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vũ Văn H về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức

nhưng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội đề nghị chuyển tội danh sang tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là chính xác.

[3] Đối với anh Vũ Văn T2 cho Vũ Văn H mượn chứng minh thư và sổ hộ khẩu, nhưng anh Tuynh không biết việc H sử dụng thông tin cá nhân của mình để làm giấy tờ giả nên Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là có căn cứ.

[4]. Đối với chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1989 có hộ khẩu tại số 424 Nguyễn Khoái, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; chị Hoàng Ngọc A, sinh năm 1995 có hộ khẩu tại xã Yên Mỹ, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nhờ M làm giả chứng minh thư nhân dân nhưng chưa sử dụng để thực hiện hành vi trái pháp luật. Cơ quan điều tra có văn bản kiến nghị UBND xã, phường nơi chị D và chị Ngọc A cư trú đề xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo M tàng trữ 0,087gam Methamphetamine, chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự theo Điều 249 BLHS. Cơ quan an ninh điều tra đã có công văn đề nghị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính đối với M. Ngày 02/01/2019 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hưng Yên đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC đối với Phạm Văn M bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ.

[6] Hành vi của các bị cáo Phạm Văn M, Vũ Văn H và Vũ Minh T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước. Vũ Văn M đang là học viên Trường trung cấp Cảnh sát vũ trang nhưng không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân; có hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy. Để có tiền tiêu sài M đã sử dụng mạng xã hội Facebook để nhận làm giấy tờ giả. Trong khoảng thời gian rất ngắn M đã làm giả nhiều giấy tờ, tài liệu, trong đó đã làm hoàn thiện 3 tờ giấy chứng minh thư nhân dân giả, thu lợi bất chính 5.100.000đ. Do đó, M là người giữ vai trò và chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án. Vũ Văn T là người giúp sức nên vai trò đứng sau bị cáo M. Vũ Văn H sử dụng chứng minh thư nhân dân giả để làm hộ chiếu nên có vai trò độc lập với 2 bị cáo trên.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân.

+ Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Vũ Văn H và Vũ Minh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của BLHS. Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên cả ba bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo M có ông nội, ông ngoại được tặng thưởng Huân chương kháng chiến; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc làm giả 3 tờ chứng minh thư nhân dân số tiền là 5.100.000đ và có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, mẹ đẻ ốm đau nên bị cáo M được hưởng thêm 3 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của BLHS. Về tình tiết gia đình bị cáo nộp thay cho bị cáo số tiền 5.100.000đ là khoản tiền thu lợi bất chính do

phạm tội mà có, nên không được coi là tiền khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra; vì vậy, chỉ xem xét áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Cáo trạng xác định bị cáo M được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS, nhưng tại phiên tòa đại diện VKS chỉ đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 là chính xác.

Bị cáo H có ông nội là liệt sỹ Vũ Huy Tô; bị cáo có đơn trình bày gia đình gặp khó khăn, xin được giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của Công an xã Quang Vinh, huyện Ân Thi. Do đó, bị cáo H được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Bị cáo T có bác ruột là liệt sỹ Vũ Đại P; bị cáo có đơn trình bày gia đình gặp khó khăn, xin được giảm nhẹ hình phạt có xác nhận của Công an xã Thúc Kháng, huyện B, tỉnh Hải Dương. Do đó, bị cáo Tuấn được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của BLHS.

+ Về tình tiết tăng nặng: cả 3 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng nào.

+ Nhân thân: Bị cáo H có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo M ngoài hành vi làm giả tài liệu, còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 02/01/2019 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Hưng Yên đã có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC đối với Phạm Văn M bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ. Ngày 16/01/2019 gia đình bị cáo đã nộp thay cho bị cáo khoản tiền phạt.

Bị cáo T ngày 20/10/2009 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau, hình thức phạt tiền 350.000đ. Bị cáo đã thực hiện xong quyết định xử phạt ngày 26/10/2009, thời gian đến nay đã 10 năm.

[8] Quyết định hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân từng bị cáo, trên cơ sở đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục cách ly bị cáo Phạm Văn M ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, với mức án như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp. Đối với các bị cáo Vũ Văn H và Vũ Minh T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo; Do đó, chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm.

Xét thấy, các bị cáo đều không có việc làm, không có thu nhập ổn định; hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, miễn áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo H và bị cáo M. Đồng thời, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 3 bị cáo.

[9]. Biện pháp tư pháp:

9.1. Khoản tiền bị cáo Phạm Văn M thu lợi bất chính từ việc làm chứng minh thư giả cho Nguyễn Thị Thùy D là 1.000.000đ, Hoàng Ngọc A là 1.800.000đ, Vũ Văn H là 2.300.000đ; tổng cộng bằng 5.100.000đ là tiền do

phạm tội mà có nên sẽ tịch thu sung quỹ nhà nước. Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo M đã nộp thay cho bị cáo khoản tiền trên. Số tiền này đang được quản lý tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hưng Yên, theo Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKS- P1 ngày 25/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

9.2. Các vật chứng bị cáo Phạm Văn M sử dụng làm công cụ phạm tội sẽ tịch thu bán đấu giá, sung quỹ nhà nước gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP 450 màu xám đen đã qua sử dụng; 01 máy in nhãn hiệu EPSON L805 màu xám đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Smobile màu xanh xám, có số IMEI: 354752070852619 bên trong lắp 01 sim, trên sim có số 89840200010617220181; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi5 plus màu gold đã cũ, có số IMEI 354752070852619 bên trong lắp 02 sim, trên sim thứ nhất có số 8984048000025932288, trên sim thứ 2 có số 840116102449177101;

9.3. Các vật chứng thu giữ của bị cáo Phạm Văn M không còn giá trị sử dụng nên tịch thu cho hủy, gồm: 01 súng bắn keo màu xanh; 01 kìm chết bằng kim loại; 01 búa bằng kim loại, cán cầm bằng gỗ; 01 kéo bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu vàng; 01 kẹp gấp bằng inox, hai đầu kẹp có gắn miếng nhựa in hình Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam; 01 lọ keo dán nhãn hiệu Míc; 01 thước kẻ bằng nhựa loại dài 30cm; 01 dao dọc giấy có vỏ bằng nhựa màu xanh; 01 công bằng thủy tinh, một đầu công hình cầu, một đầu gắn ống nhựa màu hồng, đầu ống nhựa có dán băng dính đen; 01 nắp chai bằng nhựa hình tròn, màu trắng bị đục 02 lỗ, mỗi lỗ gắn 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 ống hút bằng nhựa màu tím; 01 dụng cụ châm lửa, một đầu gắn đầu ti bật lửa ga, 01 đầu gắn ống hút bằng nhựa có quấn giấy bạc, được dán bằng băng dính đen; 01 bật lửa ga màu đỏ.

9.4. Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo Phạm Văn M 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP BroBook 4430S màu xám đen đã qua sử dụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định bị cáo không sử dụng chiếc máy tính trên để thực hiện hành vi phạm tội nên sẽ trả lại cho bị cáo để sử dụng.

9.5. Vật chứng thu giữ của bị cáo Vũ Minh T là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, có vỏ ốp màu đen, bên trong có lắp 01 sim, trên sim không có số, bị cáo sử dụng để liên lạc làm chứng minh thư nhân dân giả nên tịch thu, bán đấu giá sung quỹ nhà nước.

9.6. Vật chứng thu giữ của bị cáo Vũ Văn H là chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, bên trong có lắp 01 sim, trên sim có dãy số 89840200021655528104, bị cáo sử dụng để liên lạc làm chứng minh thư nhân dân giả nên tịch thu, bán đấu giá sung quỹ nhà nước.

9.7. Bị cáo Phạm Văn M cầm cố 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi5 plus màu gold đã cũ cho chị Hà Thị Kim C, sinh năm 1990 ở thôn Xuân Thủy, xã Xuân Thủy Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội để vay 1.700.000đ. Ngày 07/11/2018 chị Hương đã giao nộp chiếc điện thoại trên cho Cơ quan điều tra. Xét thấy, chiếc điện thoại mà bị cáo cầm cố cho chị Hương là vật chứng của

vụ án nên đã bị tịch thu sung quỹ nhà nước (mục 9.2). Đối với số tiền bị cáo M vay của chị Hương là quan hệ dân sự, các bên có nghĩa vụ thực hiện theo thỏa thuận hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn M, Vũ Minh T phạm tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bị cáo Vũ Văn H phạm tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

2. Áp dụng: Điểm b, c khoản 2 Điều 341; Điều 17; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn M. Khoản 1 Điều 341; Điều 17; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Minh T. Khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Vũ Văn H.

3. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn M **02** năm **06** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 07/11/2018.

Xử phạt bị cáo Vũ Minh T **12** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 03/11/2018 đến ngày 09/11/2018) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành **11** tháng **12** ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Vũ Minh T cho Ủy ban nhân dân xã Thúc Kháng, huyện B, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn H **09** tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 06 ngày tạm giữ (từ ngày 03/11/2018 đến ngày 09/11/2018) quy đổi bằng 18 ngày cải tạo không giam giữ; bị cáo còn phải chấp hành **08** tháng **12** ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Vũ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã Quang Vinh, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Vũ Minh T và bị cáo Vũ Văn H.

4. Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 và 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

4.1- Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.100.000đ của bị cáo Phạm Văn M do phạm tội mà có.

Ghi nhận sự tự nguyện của gia đình bị cáo M đã nộp thay cho bị cáo khoản tiền trên. Số tiền này đang được quản lý tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hưng Yên, theo Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKS- P1 ngày 25/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên.

4.2- Tịch thu, bán đấu giá, nộp vào ngân sách nhà nước các vật chứng bị cáo Phạm Văn M sử dụng làm công cụ phạm tội gồm: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP 450 màu xám đen đã qua sử dụng; 01 máy in nhãn hiệu EPSON L805 màu xám đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Smobile màu xanh xám, có số IMEI: 354752070852619 bên trong lắp 01 sim, trên sim có số 89840200010617220181; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi5 plus màu gold đã cũ, có số IMEI 354752070852619 bên trong lắp 02 sim, trên sim thứ nhất có số 8984048000025932288, trên sim thứ 2 có số 840116102449177101;

4.3- Tịch thu, cho tiêu hủy các vật chứng thu giữ của bị cáo Phạm Văn M do không còn giá trị sử dụng, gồm: 01 súng bắn keo màu xanh; 01 kìm chết bằng kim loại; 01 búa bằng kim loại, cán cầm bằng gỗ; 01 kéo bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu vàng; 01 kẹp gấp bằng inox, hai đầu kẹp có gắn miếng nhựa in hình Quốc huy nước CHXHCN Việt Nam; 01 lọ keo dán nhãn hiệu Mic; 01 thước kẻ bằng nhựa loại dài 30cm; 01 dao dọc giấy có vỏ bằng nhựa màu xanh; 01 công bằng thủy tinh, một đầu công hình cầu, một đầu gắn ống nhựa màu hồng, đầu ống nhựa có dán băng dính đen; 01 nắp chai bằng nhựa hình tròn, màu trắng bị đục 02 lỗ, mỗi lỗ gắn 01 ống hút nhựa màu trắng; 01 ống hút bằng nhựa màu tím; 01 dụng cụ châm lửa, một đầu gắn đầu ti bật lửa ga, 01 đầu gắn ống hút bằng nhựa có quấn giấy bạc, được dán bằng băng dính đen; 01 bật lửa ga màu đỏ.

4.4- Trả lại bị cáo Phạm Văn M 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP BroBook 4430S màu xám đen đã qua sử dụng, do không có liên quan đến hành vi phạm tội.

4.5- Tịch thu, bán đấu giá, nộp vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, vỏ ốp màu đen, bên trong có lắp 01 sim, trên sim không có số thu giữ của bị cáo Vũ Minh T, do đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

4.6- Tịch thu, bán đấu giá, nộp vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu đen, bên trong có lắp 01 sim, trên sim có dãy số 89840200021655528104 thu giữ của bị cáo Vũ Văn H, do đã sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

4.7- Số tiền 1.700.000đ bị cáo Phạm Văn M vay của chị Hà Thị Kim H, sinh năm 1990 ở thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội là quan hệ dân sự, các bên có nghĩa vụ thực hiện theo thỏa thuận hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Văn M, Vũ Văn H, Vũ Minh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày; thời hạn kháng

cáo của người có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, thời hạn kháng cáo của người vắng mặt tại phiên tòa tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản sao bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cq ANĐT (PA09)- CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hưng Yên (PC53);
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Trại tạm giam- CA tỉnh Hưng Yên
- Lưu VP, Tòa Hình sự.

Lê Quốc Huy